TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG CHÀ** **TỈNH ĐIỆN BIÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/3/2023
V/v: "Ly hôn, tranh nuôi chấp con khi ly hôn .

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Quàng Văn Xôm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Xuân Hoàng**

2. Ông **Khoàng Văn Hặc**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa***:** Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2023, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm C khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ, ngày 12/12/2022 về việc ly hôn tranh chấp nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXX-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vừ Thị C - Sinh năm: 1993.

Địa chỉ trú tại: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ, có mặt.

Bị đơn: Anh Lý A Đ- Sinh năm: 1992.

Địa chỉ trú tại: Bản N, xã M, huyện M, tỉnh Đ, (hiện đang chấp hành án tại trại giam N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ), vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 24 tháng 11 năm 2022, quá trình giải quyết và tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị Vừ Thị C trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh Lý A Đ quen biết nhau từ năm 2009 được hai bên gia đình đồng ý và tổ chức cưới theo phong tục tập quán của địa phương, và từ đó chung sống như vợ chồng cho đến nay chưa đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn. Cuộc sống ban đầu chung sống hòa thuận hạnh phúc, nhưng về sau luôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình

không hợp nhau, anh Đ không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Năm 2017, anh Đ bị bắt và bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử và tuyên phạt tù chung thân về tội liên quan đến ma túy. Hiện anh Đ đang chấp hành án tại trại giam Nu, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ. Nay tôi không còn tình cảm với anh Đ, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi làm đơn xin ly hôn với anh Đ, đề nghị Tòa án nhân huyện Mường Chà giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: chúng tôi có 03 con chung là Lý A T, sinh ngày 16/4/2010, Lý Tiểu L, sinh ngày 18/6/2012 và Lý Ngọc Anh, sinh ngày 22/01/2015. Cả ba cháu đều có nguyện vọng ở với tôi, tôi cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Tôi không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng và C nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và hòa giải ngày 09/3/2023, tại trại giam N, xã N, thành phố Đ, tỉnh Đ, bị đơn anh Lý A Đ trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị C chung sống với nhau từ năm 2009 đến nay nhưng chưa đăng ký kết hôn tại Cơ quan có thẩm quyền, cuộc sống chung hòa thuận hạnh phúc. Đến tháng 7/2021 tôi bị bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy và bị xử phạt tù chung thân, từ khoảng thời gian đó cho đến nay vì tôi đi tù nên chúng tôi không quan tâm đến cuộc sống của nhau, còn trước đây thì có đôi lúc cũng có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng. Nay chị C xin ly hôn nhưng vì tôi thương các con còn nhỏ nên tôi không nhất trí. Vì chúng tôi chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn, nên chị C muốn đi với ai thì tùy tôi không cấm.

Về con chung: Chúng tôi có 03 con chung, trong thời gian tôi chấp hành án tôi nhất trí cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu, khi nào tôi ra trại tôi sẽ thay đổi sau.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Tôi không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn và điều kiện nuôi con của chị C và anh Đ ngày 25/02/2023 thể hiện: Chị Vừ Thị C và anh Lý A Đ, sau khi tìm hiểu và được hai gia đình nhất trí tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Từ năm 2009 về chung sống với nhau cho đến nay chưa có đăng ký kết hôn. Cuộc sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, thời gian sau không được hòa hợp, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con. Hiện tại anh Đ đang đi chấp hành án tại Trại giam N, thành phố Đ, tỉnh Đ về tội Mua bán trái phép chất túy, giữa hai anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Về con chung: Có 03 con chung là cháu Lý A T, sinh ngày 16/4/2010; cháu Lý Tiểu L, sinh ngày 18/6/2012; cháu Lý Ngọc A, sinh ngày 22/01/2015. Xét về điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trông nom con chung. Chị C và anh Đ đều không có C việc làm ổn định, tuy nhiên hiện tại anh Đ đang

đi chấp hành hình phạt tù chung thân nên chị C là người có điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hơn.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm thủ tục tố tụng; cung cấp T tin và tài liệu liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định. Đối với bị đơn đã được Tòa án tống đạt và được nhận đầy đủ các quyết định theo trình tự thủ tục tố tụng và tham gia phiên hòa giải nhưng cố tình không ký các biên bản và đã được Tòa án lập biên bản về việc không ký biên bản có xác nhận của Cơ quan quản lý có thẩm quyền.

Về quan điểm giải quyết vụ án đề nghị HĐXX Căn cứ Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 228 BLTTDS; Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 54; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GĐ năm 2014; căn cứ vào khoản 4 điều 3 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014". Tuyên bố không C nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Vừ Thị C và anh Lý A Đáp.

Về con chung: Chị C và anh Đcó 03 con chung là Lý A T, sinh ngày 16/4/2010; cháu Lý Tiểu L, sinh ngày 18/6/2012; cháu Lý Ngọc A, sinh ngày 22/01/2015. Chị C và anh Đ đã thỏa thuận, thống nhất giao cả 3 con cho chị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Ba con đều đã trên 07 tuổi các cháu đều có văn bản ghi ý kiến trình bày nguyện vọng khi bố mẹ ly hôn, các cháu muốn được chung sống cùng mẹ. Sự thống nhất giữa chị C và anh Đ phù hợp với nguyện vọng của các con. Chị C không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị HĐXX C nhận sự nguyện đó là phù hợp.

Về tài sản chung, riêng và công nợ: Trong quá trình giải quyết chị C và anh Đ cùng thống nhất không yêu cầu giải quyết, do vậy không đề nghị HĐXX xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị miễn toàn bộ án phí cho chị C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân, nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn, bị đơn đều cư trú tại xã M, huyện M, tỉnh Đ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của BLTTDS năm 2015.

Bị đơn xin vắng mặt tại phiên tòa vì lý do không thể có mặt tại phiên tòa được vì đang chấp hành án tù chung thân tại trại giam N, thành phố Đ, tỉnh Đ, do vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về hôn nhân:

[2]. Chị Vừ Thị C và anh Lý A Đ sau khi tìm hiểu nhau và được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập của địa phương và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2009 cho đến nay mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Cuộc sống anh chị ban đầu hòa thuận hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tháng 7 năm 2021, anh Đ mua bán trái phép chất ma túy thì bị bắt khởi tố, truy tố và xét xử tuyên phạt tù với mức án chung thân. Vì cuộc sống không hạnh phúc vì bất đồng quan điểm sống mà anh Đ lại vi phạm pháp luật đi chấp hành án tù chung thân không biết đến bao giờ mới trở về do vậy tình cảm của chị C với anh Đ ngày càng nhạt đi.

Tại phiên tòa chị C vẫn khẳng định cho đến nay không còn tình cảm với anh Đnữa vì không hạnh phúc, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Tại bản lấy lời khai và hòa giải ngày 09/3/2023, anh Đ không nhất trí ly hôn vì cho rằng thương 03 đứa con còn nhỏ, nhưng vì anh, chị chung sống với nhau không đăng ký kết hôn và mình lại đi tù chung thân nên chị C đi với ai anh không cấm (đi lấy chồng khác) nhưng phải có trách nhiệm với các con. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì việc sống chung như vợ chồng của chị C và anh Đ không làm phát sinh quyền lợi, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do vậy căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014" không C nhận quan hệ giữa chị Vừ Thị C và anh Lý A Đ là vợ chồng.

[3]. **Về con chung:**

Chị C và anh Đ có 03 con chung là cháu là Lý A T, sinh ngày 16/4/2010, Lý Tiểu L, sinh ngày 18/6/2012 và Lý Ngọc A, sinh ngày 22/01/2015. Cả ba cháu đều có nguyện vọng ở với mẹ và chị C cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Chị C không yêu cầu anh Đphải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời anh Đ cũng đồng ý để chị C chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Vì vậy cần ghi nhận theo nguyện vọng đó là phù hợp.

[4]. **Về tài sản chung, riêng và C nợ:** Trong quá trình giải quyết chị C và anh Đcùng thống nhất không yêu cầu giải quyết, do vậy HĐXX không đề cập xem xét giải quyết.

[5]. **Về án phí:** Chị C là người dân tộc thiểu số cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Căn khoản 1 Điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 15; điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí cho C theo quy định của pháp luật.

[6]. Quan điểm hướng giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của HĐXX nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53; Điều 54; Điều 58; khoản 3 Điều 70; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật HN&GĐ năm 2014; căn cứ vào khoản 4 điều 3 T tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ tư pháp "Hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014".

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không C nhận quan hệ giữa chị Vừ Thị C và anh Lý A Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Theo nguyện vọng của các cháu và thỏa thuận thống nhất của anh chị, giao cháu Lý A T, sinh ngày 16/4/2010, Lý Tiểu L, sinh ngày 18/6/2012 và Lý Ngọc A, sinh ngày 22/01/2015 cho chị C là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên và có khả năng lao động. Ghi nhận việc chị C không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đ có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở; quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau khi ly hôn, Tòa án xem xét và quyết định khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ: Không đề cập xem xét giải quyết

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 điều 147 BLTTDS; điểm đ khoản 1 điều 12, Điều 15, điểm a khoản 1 Điều 24 Nghị quyết số 326/2016 của UBNTQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ án phí HNGĐ cho chị C.

Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 31/3/2023. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- P.KT NV– THA TAND tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Quàng Văn Xôm